

Bản án số: 27/2018/HS-PT

Ngày: 12/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tự

Ông Trần Văn Lực

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2018/HSPT, ngày 02/5/2018 đối với bị cáo Du H.

Do có kháng cáo của bị cáo Du H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HS-ST, ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị cáo có kháng cáo:

Du H (tên gọi khác: Hùng Đô La), sinh năm 1968 tại tỉnh T. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Du K, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1930 (đã chết); có vợ là Dương Thị Thu H, sinh năm 1973; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/7/2017 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lâm Khắc Sinh là Luật sư Văn phòng Luật sư Lâm Khắc Sinh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Du Tấn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến dự phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Du Tấn Ph bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy vào đầu năm 2016, để có tiền mua lại chất ma túy tiếp tục sử dụng, bị cáo P đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo Du H (cha ruột bị cáo P) cũng bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng 10/2016 và có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo H mua chất ma túy của người tên No (ở xã Long Đ, thành phố T, tỉnh T) khoảng 10 lần, riêng bị cáo P mua của người này khoảng 04 đến 05 lần. Ngoài ra bị cáo H còn mua chất ma túy của hai người khác gồm: người phụ nữ tên L (ở khu vực tượng đài gần chùa Khmer thuộc phường 8, thành phố T, tỉnh T) khoảng 04 đến 05 lần và người đàn ông không biết họ tên (độ khoảng 55 tuổi ở khu vực chân cầu Ba Si tiếp giáp giữa ấp B, xã N, huyện C và ấp C, xã P, huyện C, tỉnh T) 01 lần vào ngày 05/6/2017. Số tiền mà bị cáo H và bị cáo P sử dụng mua trái phép chất ma túy của những người nêu trên mỗi lần thấp nhất khoảng 500.000đồng cao nhất khoảng 2.500.000đồng. Sau khi mua về bị cáo H và bị cáo P phân chia ra nhiều phần nhỏ, rồi P và H cất giữ nếu có người hỏi mua thì P hoặc H trực tiếp bán. Kết quả kể từ tháng 11/2016 đến ngày 06/7/2017 bị cáo H và bị cáo P đã bán trái phép chất ma túy cho những người khác cụ thể như sau:

Bán cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (ở ấp V, xã H, huyện C, tỉnh T), Nguyễn Quốc H, sinh năm 1988 và Hoắc Hoài T, sinh năm 1985 (cùng ở ấp K, xã H, huyện C, tỉnh T) 03 lần như sau:

- Lần 1: Vào khoảng tháng 11/2016 T và T hùn tiền lại với nhau rồi đến nhà bị cáo H mua chất ma túy số tiền 200.000đồng. T đưa tiền cho bị cáo H và nhận chất ma túy do bị cáo H đưa. Sau đó T, T, bị cáo P và bị cáo H cùng sử dụng chất ma túy tại nhà bị cáo H.

- Lần 2: Vào khoảng tháng 02/2017 T, H và T hùn tiền lại với nhau rồi đến nhà bị cáo H mua chất ma túy với số tiền 200.000đồng, T đưa tiền cho bị cáo H và nhận chất ma túy do bị cáo H đưa. Sau đó T, H, T, bị cáo P và bị cáo H cùng sử dụng chất ma túy tại nhà bị cáo H.

- Lần 3: Cũng trong năm 2017 nhưng không xác định rõ ngày tháng, T hùn tiền với T 150.000 đồng, rồi T điện thoại gặp bị cáo P hỏi mua chất ma túy và được P đồng ý. Sau đó T điều khiển xe đến trước cửa nhà bị cáo H, bị cáo P từ trong nhà bước ra và chỉ cho T phần chất ma túy để dưới chậu cây kiểng, T đưa tiền cho P và lấy chất ma túy về nhà sử dụng với T.

- Ngoài lần hùn tiền mua chất ma túy rồi cùng sử dụng tại nhà bị cáo H như trên, thì cũng trong năm 2017 (không xác định rõ ngày tháng), H còn mua chất ma túy tại nhà bị cáo H khoảng 03 đến 04 lần, mỗi lần mua từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và đều liên lạc trước với bị cáo H nhưng người trực tiếp đưa chất ma túy cho H và nhận tiền của H là bị cáo P. Sau khi mua H, bị cáo H và bị cáo P cùng nhau sử dụng chất ma túy tại nhà bị cáo H.

Bán cho Lê Hoàng V, sinh năm 1997 (ở ấp R, xã H, huyện C, tỉnh T) và Phạm Văn Đ, sinh năm 1995 (ở ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T) gồm 02 lần như sau:

- Lần 1: Khoảng tháng 3/2017 V và Đ hùn tiền với nhau rồi cùng đến nhà bị cáo H mua chất ma túy để sử dụng. Bị cáo H trực tiếp đưa chất ma túy và

nhận từ Đ số tiền 150.000 đồng. Sau đó bị cáo H cùng V, Đ sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà bị cáo H.

- Lần 2: Cách lần thứ nhất 01 tuần, V điện thoại gặp bị cáo H hỏi mua chất ma túy và được bị cáo H đồng ý. Sau đó V hùn tiền với Đ cùng nhau đến và đứng trước cửa nhà bị cáo H, bị cáo P đem chất ma túy ra giao cho V và nhận 200.000 đồng từ tay V. Sau khi nhận chất ma túy V đem đến nhà của Trương Bình M, sinh năm 1986 ở ấp V, xã P, huyện C, tỉnh T sử dụng chung với M và 01 người khác tên là Đ.

- Ngoài ra các bị cáo bán cho một mình Lê Hoàng V 02 lần như sau:

+ Cách lần 2 sau khi V và Đ mua chất ma túy tại nhà bị cáo H khoảng 03 ngày, một mình V điều khiển xe đến nhà bị cáo H mua chất ma túy, bị cáo H trực tiếp bán chất ma túy cho V số tiền 200.000đồng. Sau khi mua được chất ma túy V đem về sử dụng cùng với Đ.

+ Đến ngày 29/4/2017 Bình M và người tên Đ hùn tiền với nhau để mua chất ma túy sử dụng, rồi nhờ V đi mua dùm. V đồng ý nên điện thoại gặp bị cáo H hỏi mua chất ma túy và được H đồng ý. Sau đó khoảng 13 giờ cùng ngày một mình V điều khiển xe đến nhà bị cáo H, khi đến trước cửa thì bị cáo P là người trực tiếp bán chất ma túy cho V với số tiền 200.000đồng. Sau đó V đem về sử dụng chung với Bình M và Đ.

Sau ngày 29/4/2017 khoảng 01 tuần bị cáo H bán chất ma túy cho Lê Hoàng V và Trương Bình M 01 lần. Trước khi đi V điện thoại gặp bị cáo H hỏi mua chất ma túy và được H đồng ý. Sau đó V điều khiển xe chở Bình M đến nhà bị cáo H, lúc này khoảng 21 giờ cùng ngày, V và Bình M ngồi băng ghế đá trước nhà bị cáo H, H trực tiếp bán cho V số tiền 200.000đồng. Sau khi mua được chất ma túy V đem về sử dụng cùng với Bình M.

Trong năm 2017 (không xác định rõ ngày tháng năm), bị cáo H bán cho Lý Thanh S, sinh năm 1982 (ở ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh T) tại nhà bị cáo khoảng 04 đến 05 lần, mỗi lần số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Trong những lần mua chất ma túy của bị cáo H có 02 lần S sử dụng tại nhà của bị cáo H cùng với bị cáo H và bị cáo P, những lần khác thì S mang về nhà sử dụng.

Bị cáo P bán cho người tên P (bán vé số, không xác định được chỗ ở cụ thể) tại nhà bị cáo và bị cáo H 01 lần với số tiền 100.000 đồng. Sau khi mua P sử dụng tại nhà bị cáo H.

Bán cho Thái Phúc H, sinh năm 1989 (ở ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà V) gồm 05 lần như sau:

- Lần 1: Vào khoảng tháng 5/2017 H đến nhà bị cáo H hỏi mua chất ma túy, bị cáo P là người trực tiếp bán chất ma túy cho H với số tiền 200.000đồng. Sau đó bị cáo P lấy bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy ra rồi bị cáo P cùng H sử dụng tại nhà bị cáo P và bị cáo H.

- Lần 2: Cách lần thứ nhất 02 ngày, H đến nhà bị cáo H hỏi mua chất ma túy, bị cáo P kêu bị cáo H bán chất ma túy cho H. Sau đó bị cáo H đưa chất ma túy và nhận từ H số tiền 200.000 đồng. Sau khi mua được chất ma túy H đem về nhà sử dụng.

- Lần 3: Cách lần hai 03 ngày, H điện thoại gặp bị cáo P hỏi mua chất ma túy với số tiền 200.000đồng. Khoảng 19 giờ cùng ngày bị cáo P điều khiển xe

đến đầu đường Thạch Ngọc B giáp đường Sơn T thuộc phường 7, thành phố T giao cho H một phần chất ma túy và nhận tiền từ H 130.000đồng cùng 01 điện thoại di động.

- Lần 4: Cách lần ba 01 ngày, H điện thoại gặp bị cáo P hỏi mua chất ma túy với số tiền 200.000đồng. Khoảng 19 giờ cùng ngày bị cáo P điều khiển xe đến đầu đường Thạch Ngọc B giáp đường Sơn T thuộc phường 7, thành phố T, P giao cho H một phần chất ma túy và nhận từ H số tiền 270.000 đồng và bị cáo P trả lại cho H 01 điện thoại đã giữ trong lần mua trên.

- Lần 5: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/6/2017 H liên lạc bằng điện thoại di động với bị cáo P hỏi mua chất ma túy với số tiền 200.000đồng, bị cáo P đồng ý và hẹn điểm giao nhận tại đường Sơn T. Sau đó P nói lại cho H biết, nhưng bị cáo H không cho P đi nên H trực tiếp điều khiển xe đến nhà bị cáo P và H thì gặp bị cáo P và bạn gái của P và bị cáo H. Bị cáo P và H đi đến phòng phía sau cùng trong nhà, P lấy bọc nylon có chứa chất ma túy bên trong đưa cho H, do chất ma túy bên trong ít quá nên H không nhận, P cất lại trong người. H hỏi bị cáo P “*Còn cái ba số là bao nhiêu*” (Nghĩa là bọc nylon có chứa chất ma túy lớn hơn) P nói 500.000đồng, H nói chỉ còn 400.000đồng, P đồng ý bán cho H và nhận số tiền từ H 400.000đồng rồi đưa lại cho bị cáo H cất giữ. Đồng thời bị cáo P kêu bị cáo H đưa lại bọc ma túy mà bị cáo H đang cất giấu đem ra chiết bán cho H. Bị cáo H lấy bọc nylon có chứa chất ma túy chiết ra giữ lại một phần, phần còn lại thì đưa cho H. Sau đó H lấy ra một phần chất ma túy vừa mua sử dụng tại chỗ cùng với bị cáo H. Phần chất ma túy còn lại bị cáo P hờ kín lại dùm cho H, H cất giữ trong người.

Sau khi sử dụng ma túy xong, H chuẩn bị ra về thì Công an huyện C kết hợp cùng Công an xã H, huyện C vào kiểm tra và thu giữ tại hiện trường gồm: 01 bộ dụng cụ tự chế sử dụng ma túy, 01 vật bằng chất nylon trong suốt được hờ kín 04 cạnh bên trong có chất tinh thể rắn trong suốt (trong phòng ngủ của bị cáo Hùng), 02 cây kéo bằng kim loại màu trắng, 02 bậc lửa vỏ bằng nhựa màu đỏ, 01 máy tính bảng Lenovo vỏ màu đen; tạm giữ trên người của Thái Phúc H gồm 01 vật bằng chất nylon trong suốt được hờ kín 04 cạnh bên trong có chất tinh thể rắn trong suốt, 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen và tiền Việt Nam tổng số 50.000 đồng; tạm giữ trên người của bị cáo H gồm tiền Việt Nam tổng số 3.000.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân của H, 01 giấy đăng ký xe tên Bùi Hoàng T, 01 điện thoại di động GRETEL vỏ màu hồng, 01 điện thoại di động KECHAODA vỏ màu xanh; tạm giữ trên người bị cáo P 04 vật bằng chất nylon trong suốt được hờ kín 04 cạnh bên trong có chất tinh thể rắn trong suốt và tiền Việt Nam tổng số 90.000 đồng.

Ngoài ra bị cáo H còn khai nhận đã bán trái phép chất ma túy cho những người sau: Người tên là P (ở khu vực cầu Sóc R thuộc ấp Sa B, xã L, thành phố T) khoảng 02 đến 03 lần mỗi lần 200.000đồng; 02 người phụ nữ tên T và T (ở cổng 10 cửa thuộc ấp Long H, xã Đại P huyện C, tỉnh T) khoảng 03 lần mỗi lần 300.000đồng; người tên T (ở ấp Rạch K, xã Hòa T, huyện C, tỉnh T) khoảng 02 đến 03 lần mỗi lần từ 200.000 đến 300.000đồng. Sau khi bán, bị cáo H cho những người nêu trên sử dụng tại nhà của bị cáo.

Đối với 06 vật bằng chất nylon trong suốt được hơ kín 4 cạnh thu giữ như nêu trên, cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong như sau: 01 vật bằng chất nylon trong suốt được hơ kín 04 cạnh bên trong có chứa chất tinh thể rắn trong suốt (thu giữ trên người của Thái Phúc H) để vào phong bì thư kí hiệu T1; 04 vật bằng chất nylon trong suốt được hơ kín 04 cạnh bên trong có chứa chất tinh thể rắn trong suốt (thu giữ trên người của bị cáo P) để vào phong bì thư kí hiệu T2; 01 vật bằng chất nylon trong suốt được hơ kín 04 cạnh bên trong có chứa chất tinh thể rắn trong suốt (thu giữ trong phòng ngủ của bị cáo H) để vào phong bì thư kí hiệu T3. Sau đó cơ quan Điều tra gởi toàn bộ 03 gói niêm phong trên để giám định.

Tại bản kết luận giám định số 190/KLGD-PC54 ngày 8/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long thì chất tinh thể rắn trong suốt được gởi giám định nêu trên đều là Methamphetamine với hàm lượng và trọng lượng tương ứng theo trình tự như sau: Mẫu T1 có hàm lượng 65,85% và trọng lượng 0,0635 gam; mẫu T2 có hàm lượng 64,42% và trọng lượng 0,2070 gam; mẫu T3 có hàm lượng 68,31% và trọng lượng 0,1124 gam.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HSST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Du H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Du H 09 (Chín) năm tù.

Tuyên bố bị cáo Du H phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 198; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Du H 07 (Bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2005 tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Du Tân P 08 năm tù, quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2018, bị cáo Du H kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do xin xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Du H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù bị cáo chối oanh không thừa nhận bán chất ma túy. Nhưng với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai bị cáo P, các con nghiện là phù hợp với lời khai của bị cáo cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Du H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật, về hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án

09 năm tù về tội “*mua bán trái phép chất ma túy*” và 07 (Bảy) năm tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” tổng hợp hình phạt chung hai tội là 16 năm tù là phù hợp tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Du H xin giảm nhẹ hình phạt. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Du H: Qua hồ sơ vụ án cho thấy án sơ thẩm xét xử bị cáo phạm 02 tội theo Điều 194 và Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật, do bị cáo phạm 02 tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt ở tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Du H là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo xin xem xét lại bản án sơ thẩm phân trách nhiệm hình sự của bị cáo Du H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Du H có đầy đủ sức khỏe nhưng không lo lao động chân chính mà lao vào con đường nghiện ngập, để có tiền thỏa mãn cho việc nghiện ma túy nên bị cáo bất chấp pháp luật để bán ma túy, bản thân bị cáo biết rõ chất ma túy là chất gây nghiện người sử dụng chất ma túy dẫn đến rối loạn nhân cách sống và phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, Nhà nước cấm mua bán, bất kỳ ai, người nào mua bán đều bị bắt giữ nhưng bị cáo vẫn cố ý lén lút thực hiện không phải bán một lần mà thực hiện nhiều lần (11 lần) bán cho nhiều người. Ngoài ra, bị cáo Du H có hành vi chứa chấp những đối tượng nghiện sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của bị cáo. Đây là hành vi rất nguy hiểm cho xã hội, xem thường kỷ cương của pháp luật và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật Phòng chống ma túy, mọi cá nhân đều phải có trách nhiệm phòng chống ma túy. Bản thân bị cáo Du H là cha của bị cáo P lẽ ra bị cáo phải khuyên ngăn phân tích giáo dục bị cáo P thấy được tác hại của ma túy và dùng mọi biện pháp để ngăn chặn bị cáo P thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, chẳng những không làm được mà bị cáo Du H nhiều lần cùng với bị cáo P sử dụng, mua bán, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không thừa nhận bị cáo là người mua bán chất ma túy mà bị cáo cho rằng việc mua bán là bị cáo Du Tấn P nhưng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị cáo P từ bút lục số 142, 152 và lời khai của các con nghiện mà bị cáo trực tiếp bán ma túy cùng các chứng cứ khác là phù hợp với lời khai của bị cáo như biên bản tự khai bút lục 93 và các biên bản hỏi cung từ bút lục 154 đến 165, biên bản nhận dạng bút lục 177, 180 có trong

hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ căn cứ chứng minh bị cáo Du H là người trực tiếp mua bán ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Du H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cấp sơ thẩm đã xem xét một cách toàn diện đánh giá đầy đủ tính chất của vụ án và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo. Nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Đề nghị của Viện Kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 02 tội theo quy định tại Điều 194 và Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, quan điểm này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo ở tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 198 Bộ luật Hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2009 ở mức khởi điểm của khung hình phạt, quan điểm này không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi vì đề nghị trên không đáp ứng được nhiệm vụ phục vụ chính trị tại địa phương về phòng chống tội phạm ma túy và bị cáo cũng không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[5] Về án phí: Bị cáo Du H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Du H.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số:12/2018/HSST, ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Tuyên bố bị cáo Du H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194; điểm b khoản 2 Điều 198 Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Du H 09 (chín) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 07(bảy) năm tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Du H phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2017.

Án phí: Bị cáo Du H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành